

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ

VẬN TẢI SAFI

Số : 03/CBTT-SFI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TP.HCM**

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Trụ sở chính: 209 Nguyễn Văn Thủ - Phường Đa Kao – Quận 1 – Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.38238799 Fax: 028.38226283

Người thực hiện công bố thông tin: NGUYỄN THANH TUYỀN

Địa chỉ: 209 Nguyễn Văn Thủ - Phường Đa Kao – Quận 1 – Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.38238799 Fax: 028.38226283

Loại thông tin công bố: 24h yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo thường niên năm 2021 Công ty Cổ Phần Đại lý Vận tải Safi.

Thông tin được đăng tải trên trang web của Công ty tại www.safi.com.vn

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội thông tin đã công bố.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

NGƯỜI ĐƯỢC UQ CBTT



NGUYỄN THANH TUYỀN



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

SAFI - SAFI

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Trụ sở chính: Số 209 Nguyễn Văn Thủ, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

Website: www.safi.com.vn - Email: info.sgn@safi.com.vn - Tel: (84 - 028) 3823 8799

MỤC LỤC

| | | |
|------|---|----|
| I. | THÔNG TIN CHUNG | 1 |
| 1. | Thông tin khái quát..... | 1 |
| | Quá trình hình thành và phát triển | 1 |
| 2. | Ngành nghề và địa bàn kinh doanh | 2 |
| 3. | Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý..... | 4 |
| 4. | Định hướng phát triển..... | 6 |
| 4.1 | Mục tiêu chủ yếu của Công ty..... | 6 |
| 4.2 | Chiến lược tập trung..... | 6 |
| 4.3 | Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty..... | 6 |
| 5. | Các rủi ro | 7 |
| II. | TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM | 7 |
| 1. | Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh | 7 |
| 2. | Tổ chức và nhân sự..... | 9 |
| 3. | Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:..... | 11 |
| 4. | Tình hình tài chính..... | 12 |
| 5. | Cơ cấu cổ đông/ thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu..... | 14 |
| 6. | Báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội của công ty | 15 |
| III. | BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 16 |
| 1. | Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh..... | 16 |
| 2. | Tình hình tài chính Công ty đến thời điểm 31/12/2021 | 17 |
| 3. | Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý | 18 |
| 4. | Kế hoạch phát triển trong tương lai..... | 18 |
| 5. | Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty..... | 18 |
| IV. | ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY..... | 19 |
| 1. | Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty | 19 |
| 2. | Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty..... | 20 |
| 3. | Các kế hoạch định hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022: | 20 |
| V. | QUẢN TRỊ CÔNG TY | 21 |

| | | |
|-----|--|----|
| 1. | Hội đồng quản trị | 21 |
| 2. | Ban Kiểm soát | 22 |
| 3. | Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT - Ban TGD - BKS | 22 |
| VI. | BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 24 |
| 1. | Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán cho năm tài chính 2021 của Công ty..... | 24 |
| 2. | Ý kiến kiểm toán: | 24 |
| 3. | Báo cáo tài chính được kiểm toán: | 24 |

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301471330 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 31/08/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 36 ngày 22/06/2021.
- Vốn điều lệ: 157.530.690.000 đồng
- Mã chứng khoán: SFI
- Địa chỉ: 209 Nguyễn Văn Thủ, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Số điện thoại: (84 – 028) 3823 8799
- Số fax: (84 – 028) 3822 6283
- Website: www.safi.com.vn

Quá trình hình thành và phát triển

- 1992 Thành lập Công ty, chính thức đi vào hoạt động vào tháng 11 năm 1992;
- 1994 Hội viên liên kết chính thức của các Hiệp hội FIATA, IATA, VISABA;
- 1995 Mở rộng phạm vi hoạt động, thành lập chi nhánh Hà Nội;
- 1998 Chuyển đổi thành Công ty cổ phần với vốn điều lệ 6,2 tỷ đồng;
Thành lập công ty liên doanh COSFI;
- 2000 Phát triển trên nhu cầu thị trường, thành lập chi nhánh Đà Nẵng
- 2001 Tiếp tục phát huy thế mạnh, thành lập xí nghiệp ở Hải Phòng chuyên về đại lý container, vận tải giao nhận;
- 2004 Đầu tư chiến lược, thành lập Liên doanh Yusen-Việt Nam;
Đưa vào khai thác kho bãi có diện tích 2500m² tại Quận 7, Tp.HCM;
- 2005 Thành viên hiệp hội HHGFAA của Mỹ về dịch vụ di chuyển và đại lý vận tải;
- 2006 Chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM;
- 2007 Tăng vốn điều lệ lên 11,39 tỷ đồng;
- 2008 Tăng vốn điều lệ lên 27,63 tỷ đồng;
- 2009 Sở hữu trực tiếp công ty con SITC Việt Nam;
Tăng vốn điều lệ 82,89 tỷ đồng;
- 2013 Vinh dự lọt vào top 10 doanh nghiệp nhỏ và vừa tốt nhất Châu Á do Forbes bình chọn;
Đưa Tòa nhà cao ốc SAFI tại địa chỉ 209 Nguyễn Văn Thủ, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh chính thức đi vào hoạt động;

- Thành lập công ty con Đại lý Vận tải COSFI với tỷ lệ sở hữu 100% vốn điều lệ;
- 2014 Tăng vốn điều lệ lên 103 tỷ đồng;
Thành lập công ty con “Công ty TNHH MTV Đầu tư hạ tầng SAFI với tỷ lệ sở hữu 100% vốn điều lệ”
- 2015 Tăng vốn điều lệ lên 108 tỷ đồng;
- 2016 Tăng vốn Công ty con “Công ty TNHH MTV Đầu tư hạ tầng SAFI với tỷ lệ sở hữu 100% vốn điều lệ (từ 6 tỷ lên 60 tỷ đồng);
Tăng vốn điều lệ lên 113 tỷ đồng;
- 2017 Tăng vốn điều lệ lên 119 tỷ đồng;
Tăng vốn Công ty con “Công ty TNHH Đại lý Vận tải SAFI với tỷ lệ sở hữu 69% vốn điều lệ (từ 1 tỷ lên 2,27 tỷ đồng);
- 2018 Tăng vốn điều lệ lên 125 tỷ đồng;
- 2019 Tăng vốn điều lệ lên 143 tỷ đồng.
- 2020 Tăng vốn điều lệ lên 150 tỷ đồng.
- 2021 Tăng vốn điều lệ lên 157 tỷ đồng.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

SAFI khởi nghiệp kinh doanh từ năm 1992 chỉ với 22 nhân viên cốt cán, công ty thực hiện các dịch vụ vận chuyển đường biển và vận tải nội địa. Theo xu hướng phát triển toàn diện công ty, đa dạng hóa nhiều loại hình dịch vụ, phát triển thành nhiều ngành nghề kinh doanh cốt lõi như:

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải

- Chi tiết: Đại lý vận tải; Đại lý ủy thác quản lý container và giao nhận hàng hóa; Khai thác, thu gom hàng hóa và vận tải nội địa; Đại lý tàu biển; Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu; Dịch vụ hàng hải và cung ứng tàu biển; Hoạt động của các đại lý vé máy bay (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải hàng không)

Kho bãi và lưu giữ hàng hóa

- Chi tiết: Kinh doanh khai thác kho bãi

Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

- Chi tiết: Vận tải hàng hóa quá cảnh đi Lào, Campuchia và ngược lại (chỉ thực hiện khi có đầy đủ hàng hóa quá cảnh); Vận tải đa phương thức quốc tế (trừ khí hóa lỏng để vận chuyển)

Dịch vụ đóng gói

- Chi tiết: Đóng gói bao bì hàng hóa (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật)

Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu

- Chi tiết: Sản xuất bao bì, chèn lót (không hoạt động tại trụ sở)

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

- Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng làm việc

- Chuyên phát
- Chi tiết: Chuyển phát nhanh hàng hóa
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
- Chi tiết: Mua bán đồ gỗ nội thất, quần áo may sẵn, giày dép; mua bán gốm sứ, sơn mài và hàng thủ công mỹ nghệ; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu
- Chi tiết: Mua bán bao bì, chèn lót; Mua bán vỏ container
- Bán buôn thực phẩm tươi sống, hàng thủy hải sản (không hoạt động tại trụ sở)
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
- Chi tiết: bán kim khí điện máy, điện tử, điện lạnh và phụ kiện
- (Theo quy định tại Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công Thương, doanh nghiệp không được phân phối vật phẩm đã ghi hình trên mọi chất liệu bao gồm danh mục sản phẩm phần cứng và phần mềm, điện tử theo quy định của Bộ Thông tin truyền thông trừ trường hợp pháp luật cho phép.
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tét bện
- Chi tiết: Sản xuất, gia công, lắp ráp đồ gỗ gia dụng (không sản xuất, gia công tại trụ sở)
- May trang phục (trừ trang phục từ lông da thú)
- Chi tiết: Sản xuất gia công quần áo (không sản xuất gia công tại trụ sở)
- Sản xuất thiết bị điện khác
- Chi tiết: Sản xuất, gia công máy móc, thiết bị, phụ kiện hàng điện tử, điện lạnh (không sản xuất gia công tại trụ sở)
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
- Chi tiết: Mua bán động vật sống, bò sát (trừ kinh doanh động vật hoang dã thuộc danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia quy định và các loại động vật quý hiếm khác cần được bảo vệ (không hoạt động tại trụ sở)
- Cho thuê xe có động cơ
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại
- Chi tiết: Bán buôn sắt, thép; Bán buôn kim loại và quặng kim loại
- (trừ mua bán vàng miếng, kim loại quý nằm trong danh mục hàng hóa không được thực hiện quyền phân phối tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công Thương
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
- Chi tiết: Khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở)
- Đại lý môi giới và đấu giá hàng hóa
- Chi tiết: Môi giới hàng hải, đại lý nhập khẩu ủy thác nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh, đại lý phân phối nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh

– Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển

Chi tiết: Cho thuê vỏ container

Đại lý du lịch

Chi tiết: Chỉ được nhận bán chương trình du lịch của doanh nghiệp kinh doanh lữ hành cho khách du lịch để hưởng hoa hồng;

– Chỉ được cung cấp dịch vụ đưa khách quốc tế vào Việt Nam (inbound) và lữ hành nội địa đối với khách vào du lịch Việt Nam như là một phần của du lịch đưa khách vào du lịch Việt Nam; không được kinh doanh dịch vụ đưa khách du lịch từ Việt Nam ra nước ngoài (outbound);

Sản xuất giày dép

– Chi tiết: Sản xuất, gia công giày dép (không sản xuất gia công tại trụ sở)

– Các ngành nghề kinh doanh khác phù hợp với quy định pháp luật

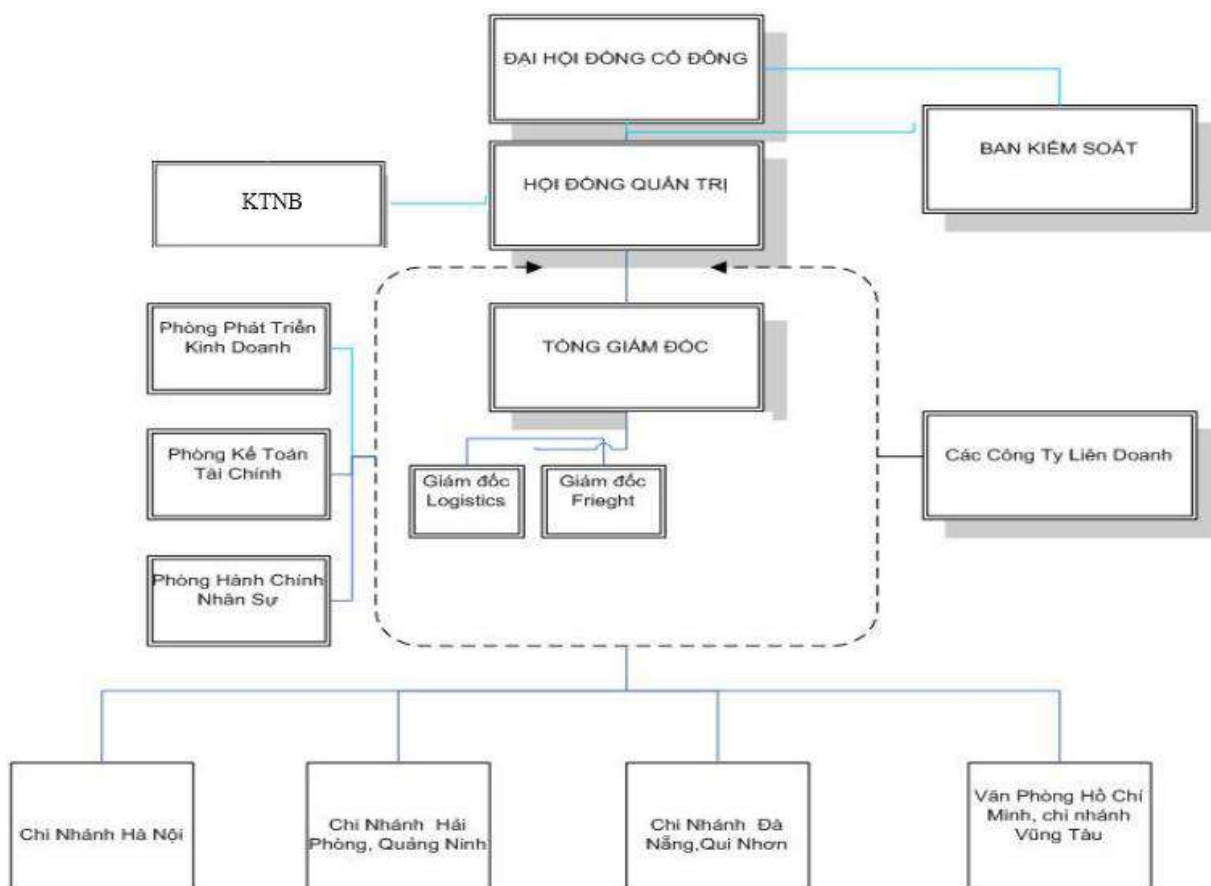
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a. Cơ cấu bộ máy quản lý

Mô hình quản trị SAFI bao gồm: Đại hội Đồng cổ đông; Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị; Ban Tổng Giám đốc. Ban Tổng Giám đốc Công ty quản lý theo hàng dọc, cao nhất là TGD điều hành, quản lý chung hoạt động Công ty xuống đến các Giám đốc Khối và các trưởng bộ phận chức năng.

Công ty hiện có 06 Chi Nhánh, đơn vị trực thuộc; 02 Công ty con và 02 Công ty liên doanh liên kết hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các dịch vụ vận tải và đại lý vận tải. Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc và có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

SƠ ĐỒ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA SAFI



b. Các đơn vị trực thuộc

- + Chi nhánh Hà Nội
- + Chi nhánh Hải Phòng
- + Chi nhánh Quảng Ninh
- + Chi nhánh Đà Nẵng
- + Chi nhánh Bình Định
- + Chi nhánh Vũng Tàu

c. Các công ty con:

+ Công ty TNHH Đại lý Vận tải COSFI

- 209 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh.
- Vốn điều lệ: 2.270.000.000 đồng.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 69%.
- Ngành nghề kinh doanh: Giao nhận và đại lý tàu biển

+ Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng SAFI

- 209 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh.
- Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 100%.
- Ngành nghề: Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng

d. Các công ty liên doanh liên kết

+ Công ty TNHH SITC Việt Nam

- 419-420-421, TD Business Center, lô 20A, đường Lê Hồng Phong, Tp Hải Phòng.
- Vốn điều lệ: 7.114.348.903 đồng.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 51%.
- Ngành nghề kinh doanh: Giao nhận và đại lý tàu biển
- Công ty không còn kiểm soát hoạt động kinh doanh của SITC nên công ty ghi nhận khoản đầu tư vào SITC Việt Nam là khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết.

+ Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam)

- 2A-4A Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.
- Vốn điều lệ: 9.668.400.000 đồng.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 45%.
- Ngành nghề: Giao nhận và kinh doanh vận tải
- Công ty ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng MST

4. Định hướng phát triển

4.1 Mục tiêu chủ yếu của Công ty

Phát triển bền vững ngành nghề kinh doanh cốt lõi; tìm kiếm các cơ hội hợp tác, đầu tư phát triển; mở rộng lĩnh vực hoạt động kinh doanh là nhiệm vụ hàng đầu trong chiến lược phát triển bền vững của SAFI. Khai thác hiệu quả các nguồn lực để tăng trưởng và phát triển bền vững, nâng cao giá trị doanh nghiệp.

4.2 Chiến lược tập trung

- Củng cố các thị trường truyền thống và mở rộng thị trường mới, tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng kho bãi, tiếp vận, Logistics;
- Phát huy tối đa nguồn nhân lực kết hợp công nghệ thông tin hiện đại làm nền tảng bền vững cho sự phát triển dịch vụ làm đại lý;
- Duy trì các thế mạnh dịch vụ vận tải sẵn có như đường hàng không, đường biển;
- Liên kết các dịch vụ khai quan, giao nhận, chủ trương mở rộng hoạt động chào bán hàng, khai thác tốt kho bãi theo hướng cung cấp dịch vụ trọn gói;
- Tiếp tục duy trì và mở rộng thị trường Đông Bắc Á, Bắc Mỹ, Châu Âu và Trung Quốc;
- Tìm kiếm các cơ hội hợp tác, đầu tư phát triển.
- Nắm bắt các chính sách của Nhà nước, Hiệp định Quốc tế để có định hướng phát triển đúng và phù hợp.

4.3 Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

- Thực hiện việc phát triển doanh nghiệp gắn với bảo vệ môi trường như giảm mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, sử dụng nước, sử dụng năng lượng, hướng đến việc tăng cường sử dụng năng lượng thân thiện với môi trường.

- Tiếp tục triển khai các dự án đầu tư phát triển doanh nghiệp về cơ sở vật chất kỹ thuật, đảm bảo an toàn, tuân thủ các quy định trong việc khai thác vận hành kho bãi hàng hoá, công tác phòng chống cháy nổ, xử lý chất thải...
- Việc phát triển doanh nghiệp gắn với việc bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho người lao động, bảo đảm việc làm ổn định, tăng thu nhập, góp phần vào công tác an sinh xã hội, tích cực tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động từ thiện...
- Quan tâm công tác đào tạo và đào tạo lại lao động đáp ứng yêu cầu công tác mới, xây dựng đội ngũ công nhân lành nghề có khả năng nắm bắt được công nghệ kỹ thuật cao, có tinh thần trách nhiệm cộng đồng.

5. Các rủi ro

a. Rủi ro kinh tế

Ít hay nhiều, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng chịu sự tác động của các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế. Để hạn chế rủi ro của các tác động này, Ban giám đốc công ty luôn thận trọng và hoạch định chiến lược phát triển phù hợp cho hoạt động của công ty.

b. Rủi ro kinh doanh

Cũng như các doanh nghiệp hoạt động cùng ngành, Công ty cũng chịu sự cạnh tranh, áp lực từ nhiều yếu tố, trong đó có rủi ro từ các công cụ tài chính, rủi ro về nhân sự, rủi ro trong lưu thông với vận chuyển đường bộ, rủi ro do cạnh tranh không lành mạnh của công ty đối thủ... do đó Công ty luôn phải cải thiện chất lượng sản phẩm, dịch vụ với mức giá cạnh tranh hợp lý đối với khách hàng.

c. Rủi ro bất khả kháng

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, dịch bệnh, bão lụt, sai sót do con người, v.v... là những rủi ro bất khả kháng, khó lường trước, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty luôn duy trì việc mua bảo hiểm trách nhiệm người Đại lý giao nhận vận tải và vật chất của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Đơn vị tính: đồng

| Stt | Chỉ tiêu | Năm 2020 | Năm 2021 | % tăng giảm |
|-----|----------------------------|-------------------|-------------------|-------------|
| 1 | Tổng giá trị tài sản | 702.041.366.073 | 933.648.493.033 | 133% |
| 2 | Doanh thu thuần | 1.203.172.731.199 | 1.851.648.593.740 | 154% |
| 3 | Lợi nhuận gộp | 171.783.794.062 | 233.519.892.990 | 136% |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | 98.409.935.868 | 216.082.897.255 | 220% |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | 82.332.644.998 | 175.037.638.716 | 213% |
| 6 | Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 29% | 13% | 47% |

| Stt | Chỉ tiêu | Năm 2020 | Năm 2021 | % tăng giảm |
|-----|--------------------------|----------|----------|-------------|
| 7 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 5,763 | 12,567 | 218% |

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2021 của Công ty

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Đơn vị tính: tỷ đồng

| Stt | Chỉ tiêu | Thực hiện so với kế hoạch 2021 | | | So với năm 2020 | | |
|-----|-----------------------------|--------------------------------|-----------|------------------|-----------------|----------|-------------|
| | | Kế hoạch | Thực hiện | Tỷ lệ Hoàn thành | Năm 2020 | Năm 2021 | Tăng trưởng |
| 1 | Tổng doanh thu | 1.200 | 1.851 | 154% | 1.203 | 1.851 | 154% |
| 2 | LNST của cổ đông công ty mẹ | 68,8 | 173 | 251% | 82,1 | 173 | 211% |

- Tổng doanh thu đạt 1.851 tỷ đồng, vượt 154% kế hoạch năm, tăng trưởng 154% so với cùng kỳ 2020
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt 173 tỷ đồng, vượt 251% kế hoạch năm, tăng trưởng 211% so với cùng kỳ 2020
- Kết quả kinh doanh trong năm của Công ty tăng trưởng mạnh mẽ dù tình hình kinh doanh trong năm 2021 gặp rất nhiều khó khăn vì dịch bệnh covid 19. Tuy nhiên Công ty đã hoàn thành tốt và vượt kế hoạch doanh thu lợi nhuận.

Nguyên nhân vượt chỉ tiêu:

- Doanh thu tài chính trong năm Công ty tăng mạnh do thoái vốn đầu tư VSC
- Doanh thu thuần tăng chủ yếu do giá cước vận chuyển quốc tế tăng cao.
- Lợi nhuận tăng chủ yếu do dịch vụ vận chuyển quốc tế bằng đường hàng không và dịch vụ vận chuyển đường bộ tăng.

1.2 Cơ cấu hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh:

Đơn vị tính: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Hoạt động Logistic | Hoạt động Forwarding | Dịch vụ đại lý hãng tàu. hoạt động khác | Tổng cộng toàn doanh nghiệp |
|-------------------------------|--------------------|----------------------|---|-----------------------------|
| - Doanh thu thuần từ hàng bán | 690 | 1,151 | 10,2 | 1.851 |
| - Lợi nhuận từ hệ kinh doanh | 129,4 | 99,4 | 4,70 | 233,5 |
| - Tổng tài sản | 312,4 | 521,8 | 4,60 | 933,6 |
| - Tổng nợ phải trả | 107 | 201 | 1.05 | 313,5 |

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2021 của Công ty

Tổng doanh thu các mảng dịch vụ của công ty trong năm tăng trưởng tốt so với các năm trước, tổng doanh thu đạt hơn 1.851 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 233,5 tỷ đồng. Chi tiết cơ cấu hoạt động các mảng dịch vụ như sau:

- Doanh thu Logistic đạt 690 tỷ đồng, dịch vụ Logistic luôn đem lại lợi nhuận ổn định hằng năm của công ty. Tỷ trọng doanh thu Logistic chiếm 37,3% tổng doanh thu nhưng tỷ suất lợi nhuận chiếm tới 55,4% trong cơ cấu tổng lợi nhuận.
- Doanh thu dịch vụ trong năm tăng cao so với năm trước, doanh thu đạt Forwarding chiếm tỷ trọng 62,2% trên tổng doanh thu, đạt 1,151 tỷ đồng. Lợi nhuận gộp đạt 99,4 tỷ đồng.
- Doanh thu Dịch vụ đại lý hãng tàu, hoạt động khác là 10,2 tỷ đồng, tuy tỷ trọng trên tổng doanh thu chỉ chiếm 0,68% nhưng tỷ suất lợi nhuận đạt ~ 2%, đạt 4,7 tỷ đồng.

1.3 Một số chỉ tiêu tài chính của công ty con, công ty liên doanh liên kết

- Công ty TNHH Đầu Tư Hạ Tầng Safi

| Stt | Chỉ tiêu | Năm 2020 | Năm 2021 | % tăng giảm |
|-----|--------------------|----------------|---------------|-------------|
| 1 | Doanh thu thuần | 12.415.522.068 | 4.517.414.448 | 36.39% |
| 2 | Lợi nhuận gộp | 7.548.275.902 | 450.407.948 | 5.97% |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | 6.466.217.091 | 2.202.127.799 | 34.06% |

- Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Cosfi

| Stt | Chỉ tiêu | Năm 2020 | Năm 2021 | % tăng giảm |
|-----|--------------------|----------------|----------------|-------------|
| 1 | Doanh thu thuần | 54.558.323.762 | 60.629.683.090 | 111% |
| 2 | Lợi nhuận gộp | 9.595.921.776 | 3.107.434.400 | 32,4% |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | 684.377.354 | 6.356.878.310 | 929% |

- Công ty TNHH SITC Việt Nam

| Stt | Chỉ tiêu | Năm 2020 | Năm 2021 | % tăng giảm |
|-----|--------------------|----------------|----------------|-------------|
| 1 | Doanh thu thuần | 55.303.286.229 | 60.854.341.024 | 110% |
| 2 | Lợi nhuận gộp | 55.303.286.229 | 60.854.341.024 | 110% |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | 4.287.933.160 | 4.529.828.862 | 105% |

- Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam): đang trong quá trình làm thủ tục giải thể.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành

- Thành viên Hội đồng quản trị:

| Stt | Họ và tên | Chức vụ | Tỷ lệ CP sở hữu | Ghi chú |
|-----|-----------------------|-------------------------|-----------------|---------|
| 1 | Ông Nguyễn Hoàng Dũng | Chủ tịch HĐQT | 5,22% | |
| 2 | Ông Nguyễn Hoàng Anh | Phó Chủ tịch HĐQT – TGD | 6,16% | |

| Stt | Họ và tên | Chức vụ | Tỷ lệ CP sở hữu | Ghi chú |
|-----|-----------------------|--------------------------------|-----------------|---------|
| 3 | Ông Đặng Trần Phúc | Ủy viên HĐQT (không điều hành) | 0,89% | |
| 4 | Ông Vũ Văn Trục | Ủy viên HĐQT (độc lập) | 0,00% | |
| 5 | Ông Nguyễn Trường Nam | Ủy viên HĐQT (độc lập) | 0,00% | |

b. Thành viên Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng, Cán bộ quản lý khác:

| Stt | Họ và tên | Chức vụ | Tỷ lệ CP sở hữu | Ghi chú |
|-----|--------------------|---|-----------------|---------|
| 1 | Nguyễn Hoàng Anh | Tổng Giám đốc - Người quản trị Công ty | -nt- | |
| 2 | Nguyễn Thanh Tuyền | Kế toán trưởng Thư ký công ty – Người CBTT | 1,68% | |

c. Thành viên Ban kiểm soát:

| Stt | Họ và tên | Chức vụ | Tỷ lệ CPSH | Ghi chú |
|-----|-----------------------|------------|------------|---------|
| 1 | Nhữ Đình Thiện | Trưởng ban | 1,31% | |
| 2 | Trần Thị Ngọc Đào | Thành viên | 0,0% | |
| 3 | Nguyễn Thị Huyền Linh | Thành viên | 0,00% | |

2.2 **Những thay đổi trong ban điều hành:** Không thay đổi so với năm trước

2.3 **Số lượng cán bộ, nhân viên:**

Tổng số lao động của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2021 là 382 người.

| Tiêu chí | Số lượng | Tỷ lệ |
|------------------------------------|----------|-------|
| A. Phân theo đối tượng lao động | 382 | 100% |
| - Lao động trực tiếp | 358 | 94% |
| - Lao động gián tiếp | 24 | 6% |
| B. Phân theo trình độ lao động | 382 | 100% |
| - Trình độ đại học và trên đại học | 197 | 52% |
| - Trình độ trung cấp và cao đẳng | 161 | 42% |

| Tiêu chí | Số lượng | Tỷ lệ |
|----------------------|----------|-------|
| - Lao động phổ thông | 24 | 6% |

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1 Tình hình dự án, đầu tư lớn trong năm: Không có

3.2 Tình hình đầu tư các công ty con, công ty liên kết:

- Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết:

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết | Tại ngày 31/12/2021 | | | Tại ngày 01/01/2021 | | |
|--|---------------------|------------------|---|---------------------|------------------|---|
| | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ biểu quyết | Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn CSH | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ biểu quyết | Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn CSH |
| Công ty Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam) | 45% | 45% | 3.375 | 45% | 45% | 3.375 |
| Công ty TNHH SITC Việt Nam | 51% | 50% | 6.136 | 51% | 50% | 5.925 |
| Tổng cộng | | | 9.511 | | | 9.300 |

- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | Tại ngày 31/12/2021 | | | Tại ngày 01/01/2021 | | |
|---|---------------------|------------|----------|---------------------|------------|----------|
| | Giá gốc | Giá hợp lý | Dự phòng | Giá gốc | Giá hợp lý | Dự phòng |
| Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vinalines Logistic - Việt Nam (Mã CK: VLG) | 1.500 | 1.545 | - | 1.500 | 570 | (930) |
| Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Container Việt Nam (Mã CK: VSC) | 83.216 | 121.800 | - | 157.049 | 291.479 | - |
| Công ty TNHH New SITC Containers Việt Nam | 467 | - | - | 467 | - | - |
| Công ty TNHH SITC Bondex Việt Nam Logistics | 120 | - | - | 120 | - | - |
| Cộng | 85.213 | 123.345 | - | 159.136 | 292.049 | (930) |

- Đầu tư vào đơn vị khác

| Tên công ty | Nơi thành lập và hoạt động | Cổ phần nắm giữ hoặc tỷ lệ lợi ích | Hoạt động kinh doanh chính |
|---|----------------------------|------------------------------------|------------------------------|
| Công ty Cổ phần Vinalines Logistic - Việt Nam | Hà Nội | 150.000 Cổ phần | Dịch vụ vận tải |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Container Việt Nam | Hải Phòng | 5.290.000 Cổ phần | Dịch vụ hàng hải |
| Công ty TNHH New SITC Containers Việt Nam | Hải Phòng | 20,00% | Đại lý vận tải hàng hóa |
| Công ty TNHH SITC Bondex Việt Nam Logistics | Hải Phòng | 1,00% | Giao nhận và đại lý tàu biển |

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2021 của Công ty

- Theo hợp đồng liên doanh giữa các bên là Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI, Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Chuyển giao công nghệ, Công ty TNHH Yusen Air & Sea Service, thì vốn điều lệ của Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam) (tên cũ là Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen Quốc tế (Việt Nam)) là 600.000 USD, trong đó vốn góp của các bên như sau: Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI góp 270.000 USD chiếm 45% vốn điều lệ; Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Chuyển giao công nghệ góp 36.000 USD chiếm 6% vốn điều lệ và Công ty TNHH Yusen Air & Sea Service góp 294.000 USD chiếm 49% vốn điều lệ.
- Cũng theo hợp đồng liên doanh thì Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam) đã hết thời hạn hoạt động kinh doanh vào ngày 05/09/2014. Đến thời điểm hiện tại, Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam) đang thực hiện các thủ tục để giải thể. Việc thanh lý khoản đầu tư sẽ thực hiện khi hoàn tất thủ tục giải thể, do đó việc ghi giảm giá trị khoản đầu tư và các chi phí liên quan đến thanh lý cũng như tài sản được phân chia (nếu có) sẽ được ghi nhận tại thời điểm đó.
- Công ty TNHH SITC Việt Nam (SITC Việt Nam) đã hết hạn liên doanh và đã làm thủ tục gia hạn liên doanh. Tuy nhiên, sau khi gia hạn liên doanh Công ty không còn kiểm soát hoạt động kinh doanh của SITC Việt Nam nên Công ty ghi nhận khoản đầu tư vào SITC Việt Nam là khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: đồng

| Stt | Chỉ tiêu | Năm 2020 | Năm 2021 | % tăng giảm |
|-----|----------------------|-------------------|-------------------|-------------|
| 1 | Tổng giá trị tài sản | 702.041.366.073 | 933.648.493.033 | +32,99% |
| 2 | Doanh thu thuần | 1.203.172.731.199 | 1.851.648.593.740 | +53,90% |

| Stt | Chỉ tiêu | Năm 2020 | Năm 2021 | % tăng giảm |
|-----|-----------------------------------|----------------|-----------------|-------------|
| 3 | Lợi nhuận thuần từ HĐKD chính | 97.557.073.277 | 213.958.042.895 | +119,32% |
| 4 | Lợi nhuận khác | 852.862.591 | 2.124.854.360 | +149,14% |
| 5 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 98.409.935.868 | 216.082.897.255 | +119,57% |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | 82.332.644.998 | 175.037.638.716 | +112,60% |
| 7 | LNST của cổ đông công ty mẹ | 98.409.935.868 | 216.082.897.255 | +119,57% |
| 8 | Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 29% | 13% | -52,96% |

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Khoản mục | Đơn vị | Năm 2020 | Năm 2021 |
|---|--------|----------|----------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn | Lần | 1,76 | 2.20 |
| - Hệ số thanh toán nhanh <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn | Lần | 1,76 | 2.20 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| - Hệ số Nợ/Tổng tài sản | Lần | 0,31 | 0.34 |
| - Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu | Lần | 1,46 | 1.99 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| - Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân | - | - | - |
| - Doanh thu thuần/tổng tài sản Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân | Vòng | 1,71 | 1.98 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi | | | |
| - Hệ số LNST/doanh thu thuần (ROS) | % | 6.84% | 9.45% |
| - Hệ số LNST/vốn chủ sở hữu (ROE) | % | 54.58% | 111.11% |
| - Hệ số LNST/tổng tài sản (ROA) | % | 11.73% | 18.75% |
| - Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần | % | 8.11% | 11.56% |

- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán: Hệ số thanh toán ngắn hạn luôn ở mức cao, đạt 2.20 trong năm 2021, phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn như tiền mặt, hàng tồn kho hay các khoản phải thu để chi trả cho các khoản nợ ngắn hạn.
- Chỉ tiêu về cơ cấu vốn: Hệ số nợ/tổng tài sản trong năm công ty đạt 0.34 và hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu đạt 1.99. Tỷ số nợ của công ty là rất thấp so với công ty cùng ngành và cùng quy mô hoạt động phản ánh việc sử dụng vốn vay rất hiệu quả. Tỷ số nợ càng thấp thì mức độ bảo vệ dành cho các chủ nợ càng cao.
- Chỉ tiêu về năng lực hoạt động: Hệ số doanh thu /Tổng tài sản bình quân đạt 1.98 phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản của công ty, chỉ số này càng cao cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp càng cao và ngược lại.
- Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi: ROS, ROE, ROA luôn đạt ở mức cao so với công ty cùng ngành, cùng quy mô.

5. Cơ cấu cổ đông/ thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần

- + Số lượng cổ phiếu phát hành: 15.753.069 cổ phiếu
- + Cổ phiếu quỹ: 1.730.012 cổ phiếu
(CPQ được mua lại cổ phiếu ESOP của CBCNV nghỉ việc từ các đợt trước đây)
- + Số lượng cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết: 14.023.057 cổ phiếu

b. Cơ cấu cổ đông: Danh sách chốt cổ đông ngày 22/11/2021 do VSD cấp.

| Stt | Đối tượng | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu (%) | Số lượng cổ đông | Cơ cấu cổ đông | |
|-----|--|-------------------|------------------|------------------|----------------|---------|
| | | | | | Tổ chức | Cá nhân |
| 1 | Cổ đông Nhà nước | - | - | - | - | - |
| 2 | Cổ đông sáng lập/FDI | - | - | - | - | - |
| | - Trong nước | - | - | - | - | - |
| | - Nước ngoài | - | - | - | - | - |
| 3 | Cổ đông lớn (sở hữu 5% vốn CP trở lên) | 4 | 2 | 2 | 4 | 2 |
| | - Trong nước | 3 | 1 | 2 | 3 | 1 |
| | - Nước ngoài | 1 | 1 | | 1 | 1 |
| 4 | Công đoàn Công ty | - | - | - | - | - |
| | - Trong nước | - | - | - | - | - |
| | - Nước ngoài | - | - | - | - | - |
| 5 | Cổ phiếu quỹ | 1 | 1 | - | 1 | 1 |

| | | | | | | |
|-------------------------|---|------------|-------|-------|-------|-------|
| 6 | Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có) | - | - | - | - | - |
| 7 | Cổ đông khác | 1,216 | 48 | 1,168 | 1,216 | 48 |
| | - Trong nước | 1,148 | 33 | 1,115 | 1,148 | 33 |
| | - Nước ngoài | 68 | 15 | 53 | 68 | 15 |
| TỔNG CỘNG | | 15.085.305 | 1,221 | 51 | 1,170 | 1,221 |
| Trong đó : - Trong nước | | 13.542.184 | 1,152 | 35 | 1,117 | 1,152 |
| - Nước ngoài | | 1.543.121 | 69 | 16 | 53 | 69 |

c. **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Tháng 5/2021 Công ty đã phát hành thêm 667.764 cổ phiếu ESOP 2020 (đợt 2) cho CBCNV Công ty theo NQ ĐHĐCĐ thường niên ngày 30/03/2019, tăng vốn điều lệ lên 150.853.050.000 đồng.

Toàn bộ số cổ phiếu phát hành đã được lưu ký và niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam theo quy định.

d. **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không.

e. **Các chứng khoán khác:** nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán. Trong năm 2021, công ty chưa hoàn tất hồ sơ đăng ký hồ sơ phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức cho UBCKNN theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/NQ-ĐHĐCĐ-VB-/SAFI-2021 ngày 10/12/2021 về việc xin ý kiến ĐHĐCĐ điều chỉnh tăng tỷ lệ chi trả cổ tức và một số chỉ tiêu tài chính năm 2021 do chưa đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật.

6. Báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1 Tác động lên môi trường

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp. Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính.

6.2 Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Với quy trình khai thác kinh doanh dịch vụ đại lý vận tải và hoạt động cung ứng logistic, công ty không sử dụng bất cứ nguyên vật liệu sản xuất nào khác ngoài yếu tố con người trong khâu quản lý, vận hành các máy móc thiết bị chuyên dùng trong ngành cho khâu xếp dỡ, lưu giữ hàng hóa. Tuy nhiên, trong quá trình lưu trữ hàng hóa tại cảng nếu có phát sinh hàng hóa không rõ nguồn gốc có chứa chất độc, gây hại đến thiên nhiên hay con người cũng sẽ phần nào tác động đến môi trường sống xung quanh và gây ảnh hưởng trực tiếp đến người lao động trong công ty.

6.3 Tiêu thụ năng lượng

Công ty đã sử dụng các loại năng lượng như điện, xăng dầu với định mức và chi phí sử dụng hợp lý, phù hợp với giá vốn, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp của

công ty. Việc sử dụng các loại nguyên liệu trên về lâu dài sẽ góp phần tạo ra khí độc lại cho môi trường. Ý thức được điều đó, toàn thể Công ty cũng như các đơn vị trực thuộc luôn đảm bảo việc sử dụng hợp lý, hạn chế lãng phí nguyên liệu và trong tương lai, Ban lãnh đạo Công ty sẽ tính toán và đề xuất chuyển sang sử dụng các nguồn năng lượng thân thiện với môi trường, bảo đảm việc khai thác hiệu quả và mở rộng thị trường kinh doanh.

6.4 Tiêu thụ nước

Việc tiêu thụ nước chỉ để phục vụ công tác quản lý, sinh hoạt tại văn phòng công ty và cung ứng lại cho các nhà thầu hoạt động tại địa bàn hoạt động của công ty, do đó chi phí phát sinh từ việc sử dụng tài nguyên này là không đáng kể.

6.5 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty luôn tuân thủ pháp luật và các qui định của Nhà nước về môi trường
- Xử phạt vi phạm hành chính về môi trường: Không

6.6 Chính sách liên quan đến người lao động

- Số lượng lao động năm 2021 là 382 người
- Mức thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty là 14.000.000 đồng/1 tháng. Đây là thu nhập tương đối cao so với các Công ty cùng ngành trong khu vực.
- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: SAFI luôn đề cao lợi ích của người lao động và bảo vệ tối đa lợi ích của người lao động như tham gia đầy đủ bảo hiểm xã hội, có chế độ đãi ngộ tốt với những nhân viên lâu năm, tổ chức những buổi giao lưu gặp gỡ nhân viên trong công ty qua các sự kiện của năm như 8/3, trung thu, giáng sinh, tết niên...
- Hoạt động đào tạo người lao động: trong năm công ty cũng đã tổ chức một số buổi đào tạo nhằm phát triển kỹ năng và nghiệp vụ cho người lao động. Đồng thời luôn tạo điều kiện để người lao động có thể học chuyên sâu và nâng cao.

6.7 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty xác định xây dựng văn hóa đề cao tính trách nhiệm với môi trường và cộng đồng. Trợ giúp các hoàn cảnh khó khăn trong xã hội, thực hiện các chương trình từ thiện là một trong những chương trình hành động vì sự phát triển bền vững trong giai đoạn tới của SAFI.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đánh giá kết quả hoạt động của công ty trong năm 2021.

Đơn vị tính: tỷ đồng

| Stt | Chi tiêu | Thực hiện so với kế hoạch 2021 | | | So với năm liền kề | | |
|-----|-----------------------------|--------------------------------|-----------|------------------|--------------------|----------|-------------|
| | | Kế hoạch | Thực hiện | Tỷ lệ hoàn thành | Năm 2021 | Năm 2020 | Tăng trưởng |
| 1 | Tổng doanh thu | 1.200 | 1.851 | +154,3% | 1.851 | 1.203 | +154% |
| 2 | LNST của cổ đông công ty mẹ | 68,8 | 173 | +251,6% | 173 | 82,12 | +211% |

- Tổng doanh thu đạt 1.851 tỷ đồng, vượt 154,3% kế hoạch năm và tăng 154% so với cùng kỳ
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt 173 tỷ đồng, vượt 251,6% kế hoạch năm, tăng trưởng 211% so với cùng kỳ

Kết quả kinh doanh trong năm của Công ty tăng trưởng mạnh mẽ dù tình hình kinh doanh trong năm 2021 gặp rất nhiều khó khăn vì dịch bệnh covid 19. Tuy nhiên Công ty đã hoàn thành tốt và vượt kế hoạch doanh thu lợi nhuận.

- Cơ cấu theo lĩnh vực kinh doanh:

Đơn vị tính: tỷ đồng

| | Hoạt động Logistic | Hoạt động Forwarding | Dịch vụ đại lý hãng tàu, hoạt động khác | Tổng cộng toàn doanh nghiệp |
|-------------------------------|--------------------|----------------------|---|-----------------------------|
| - Doanh thu thuần từ hàng bán | 690 | 1.151 | 10,2 | 1.851 |
| - Lợi nhuận từ hệ kinh doanh | 129,4 | 99,4 | 4,7 | 233,5 |
| - Tổng tài sản | 312,4 | 521,8 | 4,6 | 933,6 |
| - Tổng nợ phải trả | 107 | 201 | 1,05 | 313,5 |

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2021 của Công ty

Tổng doanh thu các mảng dịch vụ của công ty trong năm tăng trưởng tốt so với các năm trước, tổng doanh thu đạt hơn 1.851 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 233,5 tỷ đồng. Chi tiết cơ cấu hoạt động các mảng dịch vụ như sau:

- Doanh thu Logistic đạt 690 tỷ đồng, dịch vụ Logistic luôn đem lại lợi nhuận ổn định hàng năm của công ty. Tỷ trọng doanh thu Logistic chiếm 37,3% tổng doanh thu nhưng tỷ suất lợi nhuận chiếm tới 55,4% trong cơ cấu tổng lợi nhuận.
- Doanh thu dịch vụ trong năm tăng cao so với năm trước, doanh thu Forwarding chiếm tỷ trọng 62,2% trên tổng doanh thu, doanh thu đạt 1,151 tỷ đồng. Lợi nhuận gộp đạt 99,4 tỷ đồng.
- Doanh thu Dịch vụ đại lý hãng tàu, hoạt động khác là 10,2 tỷ đồng, tuy tỷ trọng trên tổng doanh thu chỉ chiếm 0,68% nhưng tỷ suất lợi nhuận đạt ~ 2%, đạt 4,7 tỷ đồng.

2. Tình hình tài chính Công ty đến thời điểm 31/12/2021

a. Tình hình tài sản

Đơn vị tính: đồng

| Stt | Chỉ tiêu | Số đầu năm | Số cuối năm | Tỷ lệ tăng (giảm) |
|-----|------------------|-----------------|-----------------|-------------------|
| 1 | Tài sản ngắn hạn | 385.066.003.926 | 689.908.573.929 | 179% |
| 2 | Tài sản dài hạn | 316.975.362.147 | 243.739.919.104 | 77% |
| | Tổng cộng | 702.041.366.073 | 933.648.493.033 | |

- Tài sản ngắn hạn đạt 689 tỷ đồng, tăng 179% so với năm trước, về TS ngắn hạn tăng chủ yếu từ tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản phải thu tăng gấp đôi so với năm trước.
- Tài sản dài hạn là 243 tỷ đồng, tương đương 77% so với năm trước. TS dài hạn giảm chủ yếu từ nguồn đầu tư góp vốn.

b. Tình hình công nợ

Đơn vị tính: đồng

| Stt | Chỉ tiêu | Số đầu năm | Số cuối năm | Tỷ lệ tăng (giảm) |
|-----|-------------|-----------------|-----------------|-------------------|
| 1 | Nợ ngắn hạn | 218.229.638.113 | 313.536.769.338 | 143% |
| 2 | Nợ dài hạn | 1.430.350.440 | - | - |
| | Tổng cộng | 219.659.988.553 | 219.659.988.553 | |

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: Nợ ngắn hạn chủ yếu là các khoản như phải trả người bán, thuế và các khoản phải trả ngắn hạn khác
- Ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ vận tải, logistic... nên bị ảnh hưởng bởi chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái, chênh lệch lãi vay, tuy nhiên Ban điều hành Công ty luôn xây dựng các chính sách, chiến lược kinh doanh và luôn bám sát tình hình thị trường để có những quyết sách phù hợp để hoạt động kinh doanh luôn đạt hiệu quả cao.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

SAFI luôn xác định nguồn nhân lực là yếu tố then chốt quyết định sự phát triển và thành công, do đó trong năm Công ty đã tái cơ cấu bộ máy quản lý, xây dựng các kế hoạch tài chính, khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn, triển khai các định hướng quản trị tập trung các hoạt động chức năng hỗ trợ sản xuất kinh doanh như tài chính, nhân sự, tiền lương, quản lý rủi ro, pháp chế... để tích hợp, phát huy sức mạnh chung mang lại hiệu quả tối ưu và đúng định hướng chiến lược phát triển chung của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Với mục tiêu trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam về phát triển hạ tầng kho bãi, tiếp vận và logistics, Công ty đã và đang xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên một cách chuyên nghiệp. Xác định đội ngũ nhân lực là sức mạnh cốt lõi, đặc biệt chú trọng đến nguồn nhân lực ngay từ những bước tuyển chọn đầu tiên, Công ty đã tập hợp được 1 đội ngũ nhân viên năng động, bản lĩnh, được đào tạo tại các trường đại học danh tiếng trong và ngoài nước, dày dặn kinh nghiệm. Ngoài ra, Công ty còn luôn chú trọng đầu tư nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ nhân viên, đề cao đạo đức nghề nghiệp, nhằm đạt được tối đa sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

- a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường
- Kiểm soát chặt chẽ đầu vào lẫn đầu ra của các sản phẩm lưu thông qua kênh của công ty, tránh xảy ra các trường hợp lưu giữ hàng hoá không rõ nguồn gốc, có tồn tại những yếu tố có thể gây hại đến môi trường.

- Công tác phòng cháy chữa cháy được đảm bảo, nhằm bảo vệ an toàn cho hàng hoá và con người.
- b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động
 - SAFI luôn thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song với đó cần phải đáp ứng được những yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, cán bộ quản lý phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành, nhiệt tình, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí điều hành quan trọng, công ty đưa ra các yêu cầu tuyển dụng khá gắt gao, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học.
 - Công ty luôn xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng của từng ngành nghề hoạt động, trình độ, năng lực công việc của từng người và đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước.
- c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương
 - Bên cạnh việc tập trung phát triển sản xuất kinh doanh, chăm lo đời sống cho người lao động, công ty còn chú trọng đến các hoạt động trợ giúp cộng đồng, coi đó là nét đẹp trong văn hoá của công ty.
 - Nhiều hoạt động xã hội từ thiện, đền ơn đáp nghĩa, xoá đói giảm nghèo,... đã được công ty triển khai trong năm như: ủng hộ đồng bào miền Trung bị thiên tai, lũ lụt, hỗ trợ cho các hộ gia đình gặp khó khăn,...

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
 - Trong năm 2021, HĐQT đã đề ra phương hướng hoạt động, chính sách phát triển kinh doanh của công ty trên cơ sở Nghị quyết ĐHCĐCD thường niên ngày 23/04/2021. HĐQT luôn chủ động nắm bắt kịp thời các diễn biến của kinh tế trong nước và thế giới, phân tích, đánh giá những khó khăn, thuận lợi cũng như những cơ hội và thách thức để kịp thời đưa ra những quyết sách đúng đắn và hiệu quả trong hoạt động SXKD, thường xuyên giám sát, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện tốt nhiệm vụ thông qua các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
 - Về hoạt động kinh doanh của công ty, HĐQT luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường và bảo vệ môi trường cũng như tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường, hoạt động xã hội từ thiện, đền ơn đáp nghĩa, xoá đói giảm nghèo,... đã được công ty triển khai trong năm như: ủng hộ đồng bào miền Trung bị thiên tai, lũ lụt, hỗ trợ cho các hộ gia đình gặp khó khăn, chia sẻ trách nhiệm cộng đồng, xã hội.
 - Các Nghị quyết/ quyết định của Hội đồng quản trị đã ban hành trong năm 2021:

| Stt | Số Nghị quyết / Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|----------------------------|------------|---|
| 1 | 01/ NQ- HĐQT-2021 | 26/02/2021 | Chốt danh sách tham dự ĐHCĐCD thường niên 2021 và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2020 |

| Stt | Số Nghị quyết / Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|----------------------------|------------|--|
| 2 | 02/ NQ- HĐQT-2021 | 11/03/2021 | Triển khai phương án phát hành cổ phiếu ESOP 2020 của Công ty |
| 3 | 03/ NQ- HĐQT-2021 | 07/06/2021 | Chi trả cổ tức còn lại 2021 và tạm ứng cổ tức 2021 |
| 4 | 04/ NQ- HĐQT-2021 | 08/08/2021 | Góp vốn đầu tư vào Công ty Dong Hong Logistics Đà Nẵng |
| 5 | 05/ NQ- HĐQT-2021 | 08/10/2021 | Tạm ứng 5% cổ tức của năm 2021 và xin ý kiến ĐHCĐBVV |
| 6 | 06/ NQ- HĐQT-2021 | 10/12/2021 | Tạm ứng chi trả cổ tức năm 2021 và triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu tạm ứng cổ tức năm 2021 của Công ty |

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty
- HĐQT luôn chủ động nắm bắt kịp thời các diễn biến của kinh tế trong nước và thế giới, phân tích, đánh giá những khó khăn, thuận lợi cũng như những cơ hội và thách thức để kịp thời đưa ra những quyết sách đúng đắn và hiệu quả trong hoạt động SXKD, thường xuyên giám sát, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện tốt nhiệm vụ thông qua các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
 - Từng thành viên HĐQT đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được phân công. Thường xuyên giám sát công việc điều hành của Tổng Giám đốc, trao đổi nắm bắt thông tin, thực hiện tốt vai trò quản trị, phát triển mở rộng thị trường, đầu tư cơ sở vật chất, hợp tác quốc tế, phát triển nguồn nhân lực.
3. Các kế hoạch định hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022:

| Stt | Chỉ tiêu | Kế hoạch năm 2022 (tỷ đồng) | Thực hiện năm 2021 (tỷ đồng) | Tỷ lệ (%) KH 22 so với TH21 |
|-----|---|--------------------------------|---------------------------------|--------------------------------|
| 1 | Doanh thu thuần | 1,800 | 1,851 | 97,2% |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế cổ đông ty mẹ | 150 | 173 | 86,7% |
| 3 | Tỷ lệ chi trả cổ tức (bằng tiền/ cổ phiếu) | Dự kiến 80% LNST | 80% | 100% |

- Tổng doanh thu thuần: 1.800 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ: 150 tỷ đồng
- Tỷ lệ chi trả cổ tức: Dự kiến 80% bằng tiền mặt/cổ phiếu

Vấn đề khác:

- HĐQT quyết định việc đầu tư, thoái vốn tại các công ty khi có nhu cầu về vốn cho đầu tư và trên cơ sở đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn.

- Hợp tác chặt chẽ cùng các đối tác củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty liên doanh.
- Đầu tư mua sắm thêm xe vận tải, romooc, xe cont bô sung phương tiện vận tải.
- Phát triển mạng lưới thông qua việc đầu tư mở rộng thêm chi nhánh, văn phòng tại các tỉnh miền Trung.
- Tìm kiếm, hợp tác khai thác các cơ hội kinh doanh khác khi có điều kiện phù hợp với các quy định của pháp luật.
- Khai thác nguồn lực từ các cổ đông trong hợp tác dịch vụ, phát triển khách hàng, tăng cường nhân sự có kinh nghiệm, tạo ra nguồn phát triển dịch vụ mới.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

| Stt | Họ và tên | Chức vụ | Tỷ lệ cp sở hữu |
|-----|-------------------|--|-----------------|
| 1 | Nguyễn Hoàng Dũng | Chủ tịch HĐQT | 4,13% |
| 2 | Nguyễn Hoàng Anh | Phó Chủ tịch HĐQT (kiêm TGD/Người QTCT) | 6,63% |
| 3 | Đặng Trần Phúc | Ủy viên HĐQT (không điều hành) | 2,12% |
| 4 | Vũ Văn Trực | Ủy viên HĐQT (độc lập) | 0,00% |
| 5 | Nguyễn Trường Nam | Ủy viên HĐQT (độc lập) | 0,00% |

b. **Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Công ty không thành lập tiểu ban.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị

HĐQT đã tổ chức các cuộc họp HĐQT định kỳ và HĐQT mở rộng bằng nhiều hình thức để thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ. Các cuộc họp của HĐQT đều có sự thống nhất của các thành viên, thông qua các kế hoạch và các báo cáo kết quả kinh doanh hàng quý, 6 tháng và cả năm, giải quyết các vấn đề về hoạt động kinh doanh, phát triển thị trường, triển khai công tác đánh giá từng bước các kết quả đạt được theo định hướng chiến lược về phát triển kinh doanh trong năm.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Công ty có một thành viên HĐQT độc lập không điều hành, giữ vai trò là thành viên giám sát, phản biện khi cần thiết đối với các hoạt động của HĐQT, nhằm đảm bảo HĐQT hoạt động theo đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, phù hợp các chủ trương, định hướng đã đề ra của ĐHCĐ, HĐQT và các thông lệ quản lý hiện đại.

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

| Stt | Họ và tên | Chức vụ | Tỷ lệ CP nắm giữ |
|-----|--------------------------|------------|------------------|
| 1 | Nhữ Đình Thiện | Trưởng ban | 1,31% |
| 2 | Trần Thị Ngọc Đào | TV BKS | 0,00% |
| 3 | Nguyễn Thị Huyền Linh | TV BKS | 0,00% |

b. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 của Công ty; đồng thời đánh giá toàn diện công tác quản lý của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty, Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào gây hại cho công ty trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty.
- Các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, thủ tục theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, đúng định hướng phát triển và đổi mới của Công ty. Các cuộc họp do HĐQT triệu tập đều có đầy đủ các thành viên HĐQT và BKS tham dự, những cuộc họp lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện đúng trình tự, đúng quy chế, phù hợp với Điều lệ Công ty;
- Nội dung các cuộc họp chủ yếu tập trung bàn về thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ, thực hiện các chiến lược phát triển Công ty. Tài liệu họp được chuẩn bị chu đáo, thời gian, địa điểm đúng theo giấy mời họp;
- HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty;
- Hội đồng quản trị công ty đã có những định hướng mang tính đột phá, năng động, dự báo thị trường và đề ra những chính sách hoạt động Công ty đạt hiệu quả cao, tình hình tài chính lành mạnh, hoạt động kinh doanh, đầu tư luôn ổn định bền vững.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT - Ban TGD - BKS

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Thu nhập của các thành viên Ban TGD, HĐQT, BKS:

| | Đơn vị tính: Triệu đồng | |
|-------------------|-------------------------|----------|
| | Năm 2020 | Năm 2021 |
| Nguyễn Hoàng Anh | 935,3 | 1.011 |
| Nguyễn Hoàng Dũng | 848,8 | 848,8 |
| Đặng Trần Phúc | 773,8 | 773,8 |
| Vũ Văn Trục | - | - |
| Nguyễn Trường Nam | - | - |

- Các khoản lợi ích khác: không có

b. **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:**

| Stt | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với cổ đông nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | | Lý do tăng, giảm |
|-----|---------------------------|----------------------------|---------------------------|---------|----------------------------|---------|------------------|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ % | Số cổ phiếu | Tỷ lệ % | |
| 1 | Nguyễn Hoàng Anh | TV.HĐQT/TGD | 1.000.000 | 6,35% | 970.000 | 6,16% | Bán/Mua esop |
| 2 | Nguyễn Hải Nguyên | NLQ.TGD | 500.000 | 3,17% | 200.000 | 1,27% | Bán cổ phiếu |
| 3 | Đặng Trần Phúc | TV.HĐQT | 319.600 | 2,03% | 140.400 | 0,89% | Bán/Mua esop |
| 4 | Đoàn Thu Hà | NLQ CT.HĐQT | 45.367 | 0,29% | 5.000 | 0,03% | Bán/Mua esop |
| 5 | Đặng Trần Phúc | TV.HĐQT | 319.600 | 2,03% | 140.400 | 0,89% | Bán/Mua esop |

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

d. Các giao dịch các bên liên quan phát sinh trong năm:

| | Năm 2021 | Năm 2020 |
|---|----------------|---------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ Công ty TNHH SITC Việt Nam | 52,492,000 | 1,252,400,000 |
| Mua hàng hóa, dv Công ty TNHH SITC Việt Nam | 10,706,175,885 | 8,062,603,854 |
| Doanh thu tài chính (Cổ tức được chia) Công ty TNHH SITC Việt Nam | 2,098,934,944 | 1,448,121,608 |
| Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính: | 241,840,000 | 2,072,706,800 |
| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
| | VND | VND |
| Phải thu ngắn hạn khách hàng Công ty TNHH SITC Việt Nam | 1,569,071,884 | 2,857,040,360 |
| Phải thu khác Công ty TNHH SITC Việt Nam | - | 677,100,000 |
| Phải trả người bán Công ty TNHH SITC Việt Nam | 120,920,000 | 359,253,400 |
| | 120,920,000 | 359,253,400 |

e. Trong năm 2021, công ty chưa hoàn tất hồ sơ đăng ký hồ sơ phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức cho UBCKNN theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/NQ-ĐHĐCĐ-VB-/SAFI-2021 ngày

10/12/2021 về việc xin ý kiến ĐHĐCĐ điều chỉnh tăng tỷ lệ chi trả cổ tức và một số chỉ tiêu tài chính năm 2021 do chưa đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán cho năm tài chính 2021 của Công ty.

2. Ý kiến kiểm toán:

a. Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

b. Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Xem phụ lục: Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Hoặc website :www.safi.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

TỔNG GIÁM ĐỐC

(đã ký)

NGUYỄN HOÀNG ANH